

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST

Ngày: 20-4-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đồng.

2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn NĐ, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Võ BD1, sinh năm 1966;

Bà Dương BD2, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện G, tỉnh B.

3. *Người làm chứng do nguyên đơn mời:*

Anh Dương NV, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn NĐ, anh Dương NV có mặt; ông Châu, bà Êm vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 11 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn ND trình bày:

Chị và vợ chồng ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 là hàng xóm, quen biết nhau đã lâu. Ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 có vay tiền ngân hàng để phục vụ cho nghề chăn nuôi. Do ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 cần tiền đáo hạn ngân hàng nên vay tiền của chị. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: vào tháng 4 năm 2020 âm lịch, vợ chồng ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 vay 190.000.000 đồng, hứa lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra vay lại hoặc nếu bán đất sẽ trả cả gốc lẫn lãi nhưng không thực hiện đúng lời hứa, bán đất mà không trả tiền, hứa hẹn nhiều lần và vào ngày 01/9/2022 âm lịch, vợ chồng ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 mới viết giấy nợ. Lúc vay, ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 hứa trả lãi theo lãi suất ngân hàng nhưng cũng không thực hiện trả lãi.

Lần 2: vào tháng 7 năm 2020 âm lịch, vợ chồng ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 vay 220.000.000 đồng, hứa bán đất sẽ trả nợ nhưng không thực hiện đúng lời hứa, bán đất nhưng không trả tiền. Lần cho vay này, chị không tính tiền lãi. Vào ngày 10/9/2022 âm lịch, vợ chồng ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 viết giấy nợ, hứa trả mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 25 âm lịch hàng tháng nhưng không thực hiện.

Các giấy vay tiền đều do ông Võ BĐ1 viết và ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 có ký tên, anh Dương NV ký tên người làm chứng.

Tổng cộng, ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 thiếu chị số tiền 410.000.000 đồng. Chị nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 không trả.

Nay chị yêu cầu ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền 410.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Chị không yêu cầu giám định chữ viết, chữ số, chữ ký trong các giấy vay tiền (viết tay), không yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Tòa án đưa thêm người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, người làm chứng là anh Dương NV trình bày:

Anh không có quan hệ bà con họ hàng với nguyên đơn, bị đơn. Anh chỉ là hàng xóm của nguyên đơn. Do chị Nguyễn ND nói ông Võ BĐ1, bà Dương

BĐ2 kêu chị vô nhà của ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 làm giấy tờ nhưng lúc đó trời tối mà chồng chị Nguyễn NĐ bị bệnh, không chở chị Nguyễn NĐ đi được nên chị Nguyễn NĐ nhờ anh chở đi. Ông Võ BĐ1 viết giấy vay tiền. Sau khi ông Võ BĐ1 viết thì ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 ký tên, anh cũng ký tên với tư cách là người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người làm chứng thực hiện đúng quy định tại điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn NĐ.

Buộc ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn NĐ số tiền vay là 410.000.000 đồng.

Ghi nhận chị Nguyễn NĐ không yêu cầu tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn NĐ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị với bị đơn là ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2. Ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 có địa chỉ tại xã T, huyện G, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm g

khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông Võ BD1, bà Dương BD2 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt (không lý do). Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ BD1, bà Dương BD2.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn NĐ cho rằng ông Võ BD1, bà Dương BD2 có vay tiền của chị tổng cộng là 410.000.000 đồng. Chứng cứ khởi kiện của chị Nguyễn NĐ là các giấy vay tiền (viết tay) ngày 01/9/2022 âm lịch nội dung ông Võ BD1, bà Dương BD2 vay của chị Nguyễn NĐ số tiền 190.000.000 đồng, hứa khi nào bán đất trả và giấy ngày 10/9/2022 âm lịch nội dung ông Võ BD1, bà Dương BD2 vay của chị Nguyễn NĐ số tiền 220.000.000 đồng, hứa hàng tháng vào ngày 25 âm lịch sẽ trả cho chị Nguyễn NĐ 5.000.000 đồng. Các giấy đều có chữ ký của ông Võ BD1, bà Dương BD2 và chữ ký của người làm chứng là anh Dương NV.

Các giấy vay tiền đều có ghi họ tên, địa chỉ của ông Võ BD1, bà Dương BD2 và ghi quan hệ của bà Dương BD2 là vợ ông Võ BD1, đều có số căn cước 083066014819. Đồng thời, theo thông tin dựa trên xác nhận và các tài liệu do Công an xã T cung cấp thì số căn cước công dân nêu trên là của ông Võ BD1. Theo trích lục kết hôn số 19/2023/TLKH-BS ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã T thì bà Dương BD2 và ông Võ BD1 kết hôn năm 1996, điều này chứng tỏ ông Võ BD1, bà Dương BD2 là vợ chồng hợp pháp. Vì vậy, việc chị Nguyễn NĐ yêu cầu ông Võ BD1, bà Dương BD2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã vay của chị là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án, do không tổng đạt trực tiếp được cho ông Võ BD1, bà Dương BD2 nên Tòa án niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, bản phô tô tài liệu chứng cứ trong đó có bản phô tô các giấy viết tay mượn tiền, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông Võ BD1, bà Dương BD2 nhưng ông Võ BD1, bà Dương BD2 vắng mặt, không tham gia và không có văn bản ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ, chữ viết, chữ ký, chữ số trong các giấy viết tay, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các giấy viết tay có cơ sở xác định ông Võ BD1, bà Dương BD2 có vay tiền của chị Nguyễn NĐ tổng cộng là 410.000.000 đồng, hứa mỗi tháng trả 5.000.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng nhưng không thực hiện. Tại phiên tòa, anh Dương NV có mặt và trình bày ông Võ BD1 là người viết giấy vay tiền và sau khi viết xong thì ông Võ BD1, bà Dương BD2 ký tên, ghi họ tên, số căn cước công dân được ghi trong giấy vay tiền là số căn cước công dân của ông Võ BD1. Lời trình bày của người làm

chứng phù hợp với xác nhận của Công an xã T về số căn cước công dân và phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

Do ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với chị Nguyễn NĐ nên chị Nguyễn NĐ khởi kiện yêu cầu ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn NĐ số tiền 410.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Chị Nguyễn NĐ không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ BĐ1, bà Dương BĐ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.400.000 đồng

Trả lại cho chị Nguyễn NĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.200.000 đồng theo biên lai thu số 14 ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn NĐ.

Buộc ông Võ BĐ1 và bà Dương BĐ2 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn NĐ số tiền là 410.000.000đ (bốn trăm mười triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ BĐ1 và bà Dương BĐ2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 20.400.000đ (hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trả lại cho chị Nguyễn NĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 14 ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang